



Flashcardo.com

Esperamos que estas tarjetas didácticas imprimibles te sean útiles. Para encontrar aún más productos de tarjetas didácticas, visita nuestro sitio web www.flashcardo.com/es. En Flashcardo.com ofrecemos tarjetas didácticas en línea, tarjetas con repetición espaciada, tarjetas en video y mucho más. Todo gratis y listo para ser usado por estudiantes de todo el mundo.

Copyright, Notas de Licencia

Este PDF está protegido por la ley de derechos de autor y todos los derechos están reservados. Puedes compartir este PDF con cualquier persona. Sin embargo, no está permitido vender este PDF ni su contenido. Si tienes alguna pregunta, por favor visita www.flashcardo.com/es para ponerte en contacto con nosotros. ¡Gracias!

Exención de Responsabilidad

ESTE PDF SE PROPORCIONA "TAL CUAL", SIN GARANTÍA DE NINGÚN TIPO, EXPRESA O IMPLÍCITA, INCLUYENDO PERO NO LIMITÁNDOSE A GARANTÍAS DE COMERCIALIZACIÓN, ADECUACIÓN PARA UN PROPÓSITO PARTICULAR Y NO INFRACCIÓN. EN NINGÚN CASO LOS AUTORES O TITULARES DE LOS DERECHOS DE AUTOR SERÁN RESPONSABLES DE NINGUNA RECLAMACIÓN, DAÑO U OTRA RESPONSABILIDAD, YA SEA EN UNA ACCIÓN CONTRACTUAL, EXTRA CONTRACTUAL O DE OTRO TIPO, QUE SURJA DE, FUERA DE O EN RELACIÓN CON EL PDF O EL USO U OTRAS INTERACCIONES CON EL PDF.

Copyright © 2025 Flashcardo.com. Todos los Derechos Reservados

Impresión a Doble Cara

Ten en cuenta que estas tarjetas didácticas están diseñadas para imprimirse a doble cara (también conocido como dúplex). Si tu impresora no puede imprimir a doble cara, por favor descarga los archivos PDF de tarjetas individuales para imprimir.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

él

tú

yo

nosotros

eso

ella

qué

ellos

ustedes

por qué

dónde

quién

cuándo

cuál

cómo

realmente

si

entonces

no

porque

pero

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

¿Cuánto cuesta esto?

Necesito esto

este

o

todos

ese

Lo sé

saber

y

venir

pensar

No lo sé

encontrar

tomar

poner

hablar

trabajar

escuchar

ayudar

gustar

dar

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

esperar

llamar

amar

¿Me quieres?

No me gusta esto

Me gustas

1

0

Te amo

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

16

15

14

19

18

17

viejo

nuevo

20

¿cuánto?

muchos

pocos

correcto

incorrecto

¿cuántos?

feliz

bueno

malo

pequeño

largo

corto

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

aquí

allá

grande

hermoso

izquierda

derecha

hola

viejo

joven

cuidate

vale

nos vemos más tarde

buen día

por supuesto

no te preocupes

adiós

hasta luego

hola

gracias

perdón

discúlpeme

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

ahora

Quiero esto

por favor

noche

mañana

tarde

mediodía

noche

mañana

minuto

hora

medianoche

semana

día

segundo

tiempo

año

mes

ayer

anteayer

fecha

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

pasado mañana

mañana

hoy

miércoles

martes

lunes

sábado

viernes

jueves

vida

Mañana es sábado

domingo

amor

hombre

mujer

amigo

novia

novio

niño

sexo

beso

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đứng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

niño

niña

bebé

madre

papá

mamá

hijo

padres

padre

hermano menor

hermana menor

hija

estar de pie

hermano mayor

hermana mayor

cerrar

acostarse

sentarse

ganar

perder

abrir

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

encender

vivir

morir

dañar

matar

apagar

beber

ver

tocar

encontrarse

caminar

comer

seguir

besar

apostar

preguntar

responder

casarse

negocio

empresa

pregunta

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

teléfono

dinero

trabajo

hospital

médico

oficina

presidente

policía

enfermera

rojo

negro

blanco

amarillo

verde

azul

divertido

rápido

lento

difícil

justo

injusto

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

rico

Esto es difícil

fácil

débil

fuerte

pobre

orgulloso

cansado

seguro

saludable

enfermo

satisfecho

alto

bajo

enojado

siempre

cada

recto

ya

de nuevo

en realidad

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

más

el más/la más

menos

muy

ninguno

Quiero más

vaca

cerdo

animal

oveja

perro

caballo

oso

gato

mono

mariposa

pato

pollo

araña

pez

abeja

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

dentro

fuera

serpiente

abajo

cerca

lejos

frente

junto a

arriba

agrio

dulce

atrás

duro

suave

extraño

loco

estúpido

lindo

bajo

alto

ocupado

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

genial

sorprendido

preocupado

listo

malvado

bien educado

cabeza

caliente

frío

boca

cabello

nariz

mano

ojo

oreja

cerebro

corazón

pie

presionar

empujar

tirar

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

pelear

atrapar

golpear

leer

correr

lanzar

contar

arreglar

escribir

comprar

vender

cortar

soñar

estudiar

pagar

celebrar

jugar

dormir

limpiar

disfrutar

descansar

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

puerta

casa

escuela

boda

esposa

marido

hogar

coche

persona

21

número

ciudad

30

26

22

37

33

31

44

41

40

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

một trăm

một nghìn

mười nghìn

một trăm nghìn

một triệu

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

10.000

1000

100

mi perro

1.000.000

100.000

su coche

su vestido

tu gato

vuestro equipo

nuestra casa

su pelota

juntos

todo el mundo

su empresa

¡Salud!

no importa

otro

bienvenido

estoy de acuerdo

relajarse

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

gira a la izquierda

gira a la derecha

sin preocupaciones

huevo

Ven conmigo

ve recto

pescado

leche

queso

fruta

verdura

carne

pan

aceite

hueso

caramelo

chocolate

azúcar

agua

bebida

pastel

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

té

café

soda

ensalada

vino

cerveza

desayuno

postre

sopa

pizza

cena

almuerzo

estación de tren

tren

autobús

barco

avión

parada de autobús

motocicleta

bicicleta

camión

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

estacionamiento

semáforo

taxi

zapato

ropa

carretera

camisa

suéter

abrigo

pantalones

traje

chaqueta

calcetín

camiseta

vestido

gafas

calzoncillos

sujetador

billetera

monedero

bolso

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

reloj

sombrero

anillo

Mi nombre es David

¿Cómo te llamas?

bolsillo

¿Estás bien?

¿Cómo estás?

Tengo 22 años

primavera

Te extraño

¿Dónde está el baño?

invierno

otoño

verano

marzo

febrero

enero

junio

mayo

abril

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

septiembre

agosto

julio

diciembre

noviembre

octubre

mercado

factura

compra

piso

edificio

supermercado

iglesia

granja

universidad

gimnasio

bar

restaurante

mapa

inodoro

parque

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

pistola

policía

ambulancia

suburbio

país

bomberos

medicamento

salud

pueblo

operación

paciente

accidente

resfriado

fiebre

pastilla

tos

cita

herida

hombro

trasero

cuello

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

brazo

pierna

rodilla

espalda

mama

vientre

labio

lengua

diente

estómago

dedo del pie

dedo

nervio

hígado

pulmón

color

intestino

riñón

marrón

gris

naranja

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

pesado

aburrido

rosa

hambriento

solitario

ligero

empinado

triste

sediento

cuadrado

redondo

plano

profundo

ancho

estrecho

norte

enorme

poco profundo

oeste

sur

este

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

lleno

limpio

sucio

barato

caro

vacío

sexy

claro

oscuro

generoso

valiente

vago

tonto

feo

guapo

ciego

culpable

amistoso

seco

mojado

borracho

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

tranquilo

ruidoso

cálido

baño

cocina

silencioso

jardín

dormitorio

sala de estar

sótano

pared

garaje

techo

escalera

inodoro

taza

cuchillo

ventana

vaso

plato

vaso

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

televisor

cuenco

cubo de basura

espejo

cama

escritorio

cuadro

sofá

ducha

silla

mesa

reloj

vecino

campana

piscina

disparar

elegir

fallar

defender

caer

votar

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

quemar

robar

atacar

volar

fumar

rescatar

patear

escupir

llevar

oler

respirar

morder

sonreír

cantar

llorar

encoger

crecer

reír

compartir

amenazar

argumentar

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

advertir

ocultar

alimentar

rodar

saltar

nadar

copiar

cavar

levantar

practicar

buscar

entregar

ducharse

pintar

viajar

lavar

bloquear

abrir

libro

cocinar

orar

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

ba phần trăm

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

ngiên cứu

examen

tarea

biblioteca

historia

ciencia

lección

francés

inglés

arte

3%

lápiz

pluma

tercero

segundo

primero

cuadrado

resultado

cuarto

investigación

área

círculo

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

x nhỏ hơn y

x lớn hơn y

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

máster

licenciatura

grado

estrés

$x > y$

$x < y$

departamento

personal

seguro

carta

dirección

salario

piloto

detective

capitán

abogado

profesor

catedrático

juez

asistente

secretaria

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

cocinero

gerente

director

criminal

conductor de autobús

taxista

número de teléfono

artista

modelo

chat

aplicación

señal

dirección de correo
electrónico

url

archivo

teléfono móvil

correo electrónico

sitio web

prueba

prisión

ley

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

tribunal

testigo

multa

beneficio

pérdida

firma

tarjeta de crédito

cantidad

cliente

piscina

cajero automático

contraseña

radio

cámara

electricidad

bolsa

botella

regalo

ángel

muñeca

llave

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

cepillo de dientes

pasta de dientes

peine

pañuelo

crema

champú

cine

TV

pintalabios

entrada

asiento

noticias

escenario

música

pantalla

broma

pintura

audiencia

revista

periódico

artículo

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

ceniza

naturaleza

anuncio

luna

diamante

fuego

estrella

sol

tierra

costa

universo

planeta

desierto

bosque

lago

río

roca

colina

isla

montaña

valle

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

tiempo

mar

océano

tempestad

nieve

hielo

planta

viento

lluvia

rosa

hierba

árbol

metal

gas

flor

La plata es más barata que
el oro

plata

oro

miembro

vacaciones

El oro es más caro que la
plata

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

invitado

playa

hotel

Año Nuevo

Navidad

cumpleaños

tía

tío

Pascua

abuela

abuelo

abuela

tumba

muerte

abuelo

novio

novia

divorcio

110

105

101

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

con hồ

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

tigre

990

949

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

conejo

rata

ratón

elefante

burro

león

paloma

gallo

pájaro

escarabajo

insecto

ganso

hormiga

mosca

mosquito

delfín

tiburón

ballena

a menudo

rana

caracol

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

aunque

de repente

inmediatamente

correr

tenis

gimnasia

patinaje sobre hielo

golf

ciclismo

natación

baloncesto

fútbol

Reino Unido

senderismo

buceo

Italia

Suiza

España

Tailandia

Alemania

Francia

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japón

Rusia

Singapur

China

India

Israel

Canadá

México

Estados Unidos de América

Argentina

Brasil

Chile

Marruecos

Nigeria

Sudáfrica

Argelia

Kenia

Libia

Australia

Nueva Zelanda

Egipto

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

một giờ

hai giờ năm phút

ba giờ mười phút

bốn giờ mười lăm

năm giờ hai mươi

sáu giờ hai mươi năm

bảy giờ rưỡi

tám giờ ba mươi lăm

mười giờ kém hai mươi

mười một giờ kém mười năm

mười hai giờ kém mười

một giờ kém năm

một giờ sáng

hai giờ chiều

Asia

Europa

África

media hora

cuarto de hora

América

2:05

1:00

tres cuartos de hora

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

dos de la tarde

una de la mañana

12:55

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

próxima semana

esta semana

semana pasada

año siguiente

este año

año pasado

mes siguiente

este mes

mes pasado

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

barbilla

arruga

frente

pestañas

barba

mejilla

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

nuca

cintura

ceja

dedo meñique

pulgar

pecho

dedo índice

dedo del medio

dedo anular

talón

uña

muñeca

hueso

músculo

espina dorsal

vértebra

costilla

esqueleto

arteria

vena

vejiga

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

pene

esperma

vagina

picante

jugoso

testículo

hervido

crudo

salado

estricto

codicioso

tímido

sordo